



xiāng xià

乡下

Noun · Countryside / Rural area

Example Sentences

wǒ zhù zài xiāng xià

我住在乡下。

I live in the countryside.

nǐ jué de xiāng xià de jiào yù zī yuán hé chéng shì xiāng bǐ rú hé

你觉得乡下的教育资源和城市相比如何？

How do you think the educational resources in the countryside compare to those in the city?

xiāng xià kōng qì hěn xīn xiān

乡下空气很新鲜。

The air in the countryside is very fresh.

Trace each character, then write the word on your own.

乡 乡 乡 乡 乡 乡

下 下 下 下 下 下